

Bản án số: 635/2024/DS-PT

Ngày: 20-12-2024

V/v tranh chấp: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 608/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lương Văn P** – sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số A Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Huỳnh Thanh S** – sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: 1/ **Lê Văn M** – sinh năm 1979; (có mặt)

2/ **Phạm Thị Ngọc M1** – sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Huỳnh Thị Thùy H** – sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người làm chứng:

- **Trần Song Hạ Q** – sinh năm 1981; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số F L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Nguyễn Thanh T** – sinh năm 1987; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Lê Văn M** – sinh năm 1979

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Lương Văn P trình bày: ngày 20/5/2022, chị M1, anh M có vay của anh số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền chị M1 trình bày là để sửa chữa nhà. Khi vay tiền, chị M1 có ký tên và lăn tay vào giấy mượn nợ ngày 20/5/2022. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là ngày 20/6/2023 và lãi suất trả trong thời hạn là 0,5% tháng. Đến nay đã quá hạn trả tiền nhưng phía anh M, chị M1 không trả tiền cho anh. Anh khởi kiện yêu cầu anh M và chị M1 liên đới trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20/6/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất là 1,66 %/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, anh xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh Lê Văn M và chị Phạm Thị Ngọc M1 liên đới trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20/6/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc M1 trình bày: chị không biết anh Lương Văn P. Chị và anh M có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 – Phòng G số tiền 1.450.000.000 đồng, mục đích vay là để trồng thanh long và kinh doanh. Đến hạn trả tiền lãi, do không có tiền trả nên phía Ngân hàng đến nhà yêu cầu chị và anh M trả số tiền lãi khoảng 14.000.000 đồng. Anh Tú (nhân viên Ngân hàng) nói chị ký tên để mượn tiền trả tiền lãi Ngân hàng. Chị ký tên vào tờ giấy trắng, không có thể hiện nội dung vay mượn tiền. Chữ ký trong giấy mượn nợ ngày 20/5/2022 anh P cung cấp cho Tòa án là do chị ký và lăn tay nhưng chị không có vay tiền của anh P. Khi chị ký tên mượn tiền thì anh M không có nhà. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh P yêu cầu anh M và chị liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20/6/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

* Bị đơn anh Lê Văn M trình bày: anh không biết anh P và không có vay tiền của anh P. Chị M1, vợ anh ký tên vào giấy mượn tiền để có tiền trả tiền lãi Ngân hàng thì anh không có nhà. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh P yêu cầu anh và chị M1 liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20/6/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/ tháng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thùy H vắng mặt.

* Người làm chứng anh Nguyễn Thanh T trình bày: anh biết việc anh M, chị M1 có vay tiền của anh P. Khi anh còn làm chuyên viên khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP S1 – Phòng G, có làm hồ sơ vay vốn cho anh M, chị M1. Đến hạn trả tiền, phía anh M, chị M1 không có khả năng trả tiền nên anh có giới thiệu anh M, chị M1 vay tiền của anh P vào ngày 20/5/2022 để trả Ngân hàng. Do bận công việc nên anh xin vắng mặt.

* Người làm chứng chị Trần Song Hạ Q trình bày: chị không biết việc viết giấy mượn nợ ngày 20/5/2022 giữa chị M1 và anh M, không có chứng kiến và

không biết việc chị M1 ký tên vào tờ giấy không thể hiện nội dung. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn P.

Buộc anh Lê Văn M và chị Phạm Thị Ngọc M1 có trách nhiệm trả cho anh Lương Văn P số tiền vốn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi 9.960.000 đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi là 109.960.000 đồng. (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/03/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/7/2024, bị đơn Lê Văn M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm 235/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: phía bị đơn không chứng minh được biên nhận mà chị M1 đã ký, ghi tên họ là biên nhận không, trong khi nội dung biên nhận lại thể hiện rõ ràng, cụ thể số nợ nên yêu cầu kháng cáo của anh M không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay 100.000.000đ và lãi suất theo thỏa thuận, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18/7/2024 Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, ngày 29/7/2024, anh M là 01 trong 02 bị đơn kháng cáo bản án là còn trong hạn theo quy định tại điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của các đương sự: căn cứ đề nguyên đơn khởi kiện là biên nhận nợ lập ngày 20/5/2022, chị M1 thừa nhận ký, ghi tên họ của mình trong biên nhận nhưng cho rằng chỉ ký trên giấy trắng, không có nội dung vay nợ, anh M thì xác định không biết việc này nên cả hai không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh P. Xét thấy phía bị đơn cho rằng ký biên nhận không nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, bản thân chị M1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, từng tham gia giao dịch vay tiền tại Ngân hàng, ý thức rất rõ đối với việc ký xác nhận các văn bản, giấy tờ, khi xác lập biên nhận không hề bị đe dọa, cưỡng ép nên cho rằng ký không biên nhận nợ là không có cơ sở, việc này nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét. Về phía anh M cho rằng chị M1 ký không biên nhận, không biết số nợ, không đồng ý trả là không phù hợp pháp luật, vì bản thân anh không trực tiếp chứng kiến, không xác lập biên nhận nợ, chính chị M1 đã thừa nhận nhận ký, ghi tên họ trong biên nhận nợ, chị M1 lại không kháng cáo bản án, cả hai không chứng minh được là nợ không, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng cùng có trách nhiệm trả là đúng pháp luật. Về lãi suất và việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất là đúng quy định với Điều 468 Bộ luật Dân sự, biện pháp bảo đảm được áp dụng các đương sự không khiếu nại, kháng cáo và việc áp dụng cũng phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Từ các căn cứ trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn P.

Buộc anh Lê Văn M và chị Phạm Thị Ngọc M1 có trách nhiệm trả cho anh Lương Văn P số tiền vốn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi 9.960.000 đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi là 109.960.000 đồng. (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về án phí: anh Lê Văn M phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, anh M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007818 ngày 29/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên cần trừ xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

Nguyễn Thị Diệp Thúy

Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng

